

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH MINH THUẬN PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH MINH THUẬN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH THUAN PHAT PRODUCTION AND BUSINESS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110852818

3. Ngày thành lập: 03/10/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Yên Phú, Xã Liên Ninh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66505726

Fax:

Email: minhthuanphat88@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2220
2.	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: - Sản xuất khung hoặc sườn kim loại cho xây dựng và các bộ phận của chúng (tháp, cột, cầu treo...) ; - Sản xuất khung kim loại công nghiệp (khung cho lò hơi, thiết bị nâng và cầm tay...) ; - Sản xuất nhà đúc sẵn bằng kim loại như: Nhà di chuyển và các bộ phận tháo rời... - Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung của chúng, cửa chớp, cổng - Vách ngăn phòng bằng kim loại	2511(Chính)
3.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
4.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
5.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
6.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
7.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn - Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt... (trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
8.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
9.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240

10.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
11.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
12.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
13.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
14.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
15.	Thu gom rác thải độc hại	3812
16.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
17.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
18.	Tái chế phế liệu	3830
19.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
20.	Xây dựng nhà để ở	4101
21.	Xây dựng nhà không để ở	4102
22.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
23.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
24.	Xây dựng công trình điện	4221
25.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
26.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
27.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
28.	Xây dựng công trình thủy	4291
29.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
30.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
31.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
32.	Phá dỡ (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4311
33.	Chuẩn bị mặt bằng (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4312
34.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
35.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
36.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
37.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
38.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
39.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4511
40.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4513
41.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4520
42.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4530

43.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán)	4610
44.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm)	4649
45.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ thiết bị y tế)	4659
46.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
47.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng và kim loại quý khác)	4662
48.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
49.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669
50.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
51.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
52.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
53.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
54.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
55.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
56.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đấu giá)	4774
57.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
58.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
59.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

